TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2025/HC-PT
Ngày 12 tháng 3 năm 2025
V/v: "*Khiếu kiện quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 957/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 204 về việc "*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 335/2024/HC-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3493/2024/QĐPT-HC ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1968; Địa chỉ: 2 P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Bảo N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Lầu A, số B T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) Quận H; Địa chỉ: D D, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quang T – chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Thái Thành T1 – chức vụ: Phó trưởng Phòng T4; Địa chỉ: D D, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn D là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Lê Văn D có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Bảo N trình bày:*

Ngày 08/05/2003, ông Lê Văn H có sang nhượng cho bà Nguyễn Ngọc N1 phần diện tích nhà và đất có diện tích ngang trước 3,8m x 14,7m (ngang phía sau là 8,4m), căn nhà có kết cấu mái tole, vách tole, khung sắt thuộc một phần thửa đất số 08 tờ bản đồ số 84. Sau đó, ngày 11/5/2016, bà Nguyễn Ngọc N1 chuyển nhượng lại toàn bộ phần diện tích nhà và đất nêu trên cho bà Trần Thị Thu T2 với giá là 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng), khi bà N1 chuyển nhượng thì căn nhà đã được Nhà nước cấp số nhà là B P, phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 11/7/2016, bà Trần Thị Thu T2 chuyển nhượng lại toàn bộ căn nhà và đất nêu trên cho ông D với giá tiền là 660.000.000 đồng, để đảm bảo thực hiện giao dịch này ông D và bà T2 đã lập Vi bằng số 1300/2016/VB-TPLQ8 tại Văn phòng T5, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông D về đây sinh sống ổn định từ đó tới nay.

Ngày 28/8/2023, ông Võ Thành P – Cán bộ ĐC-XD-ĐT và MT thuộc UBND phường F, Quận H lập "Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai" với nội dung ông D đã có các hành vi vi phạm hành chính: "Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trông lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị, diện tích đất chiếm dưới 0,05 héc ta (cụ thể diện tích 61 m^2) tại địa chỉ không số đường P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 84 Bản đồ địa chính, Phường 6 vẽ theo hiện trạng số 03/BVHT do Công ty TNHH D2 lập ngày 19/06/2023". Việc lập Biên bản vi phạm này được thực hiện lúc ngày 12/9/2023. Sau đó, ngày 22/9/2023 Chủ tịch U ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 392/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với nội dung:

- Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn D đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị với diện tích đất chiếm dưới 0,05 héc ta (cụ thể diện tích 61m^2) theo Bản vẽ hiện trạng số 03/BVHT do Công ty TNHH D2 lập ngày 19/06/2023.

- Phạt tiền: số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng).

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông D phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Buộc ông D nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do hành vi vi phạm với số tiền là 12.390.627đ (mười hai triệu ba trăm chín mươi nghìn sáu trăm hai mươi

bảy đồng) theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Việc Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 392/QĐ-XPHC ngày 22/9/2023 trong lĩnh vực đất đai đối với ông D là không có cơ sở, không đúng với thực tế và quy định của pháp luật đã vi phạm rất nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của ông D bởi nguồn gốc đất từ ông Lê Văn H đã được sang nhượng qua nhiều người trước đây và ông D nhận sang nhượng hợp pháp từ bà Trần Thị Thu T2 năm 2016 và từ đó tới nay gia đình ông D quản lý, sử dụng ổn định hợp pháp trong phần diện tích nhà đất mà ông D nhận chuyển nhượng. Gia đình ông D không có bất kỳ hành vi lấn chiếm đất nào như nội dung Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai do UBND phường F, Quận H lập ngày 12/9/2023.

Ngày 15/12/2023, dựa vào Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 392/QĐ-XPHC ngày 22/9/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Chủ tịch U tiếp tục ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 542/QĐ-CCXP với nội dung: Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 392/QĐ-XPHC ngày 22/9/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Không đồng ý với Quyết định cưỡng chế nên ngày 27/12/2023 ông D đã khiếu nại Quyết định cưỡng chế. Ngày 22/5/2024 Chủ tịch UBND quận H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2320/QĐ-UBND và không công nhận nội dung khiếu nại của ông D.

Việc Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành các Quyết định nêu trên là không có cơ sở, không đúng với thực tế và quy định của pháp luật đã vi phạm rất nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của ông D nên ông D. Đề nghị Toà án xem xét:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 392/QĐ-XPHC ngày 22/9/2023 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hủy Quyết định số 542/QĐ-CCXP ngày 15/12/2023 của Chủ U, thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn D (lần đầu).

**Người bị kiện Chủ tịch U có văn bản trình bày ý kiến như sau:*

Nguồn gốc khu đất tại địa chỉ không số đường P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc phần thửa số 6, 8 tờ bản đồ số 84 theo tài liệu 2002, diện tích 1.169,1m² (thuộc thửa số 67, 68, tờ bản đồ số 1 theo Chỉ thị số 02/CT-UB) có nguồn gốc do Hợp tác xã Chiến Thắng quản lý, giao khoán cao cho hộ bà Ung Thị T3 sử dụng. Căn cứ Kết luận số 2810/KL-UBND ngày

08/11/2017 của U về việc kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc do Hợp tác xã C (khoán cao) tại U, trong kết luận có nêu:

Tại khu đất thuộc phần thửa số 6, 8 tờ bản đồ số 84 theo Tài liệu 2002, diện tích 1.169,1m² (thuộc thửa số 67, 68, tờ bản đồ số 1 theo Chỉ thị số 02/CT-UB), giao khoán cao cho hộ bà Ung Thị T3 sử dụng, có phát sinh xây dựng nhà tạm cột gỗ, vách ván, tôn, mái tôn trên toàn bộ khu đất. Hiện nay, trên khu đất này ông H (cháu bà Ung Thị T3) đã chia nhỏ các phần đất và bán lại bằng giấy tay cho nhiều người xây nhà tạm.

- Giao Chủ tịch U, Quận H nhanh chóng có biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả theo quy định đối với 05 khu đất khoán cao có phát sinh xây dựng không phép báo cáo kết quả trước ngày 31/12/2017".

Căn cứ Kết luận thanh tra số 2810/KL-UBND ngày 08/11/2017 của U. Ngày 02/3/2023, U có Biên bản làm việc với Hợp tác xã Chiến Thắng liên quan đến khu đất có nguồn gốc do Hợp tác xã C quản lý. Theo đó, ông Hồ Văn Đ đại diện Hợp tác xã C xác định khu đất thuộc một phần thửa 8 từ 84 Bản đồ địa chính (nhằm một phần thừa 67 tờ bản đồ 01 – theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường F, Quận H do Hợp tác xã giao khoán (khoán cao) cho bà Ung Thị T3 canh tác, bà T3 đã chết, cháu bà T3 là ông Lê Văn H tiếp tục canh tác và tự ý bán một phần đất cho một số hộ dân không thông qua Hợp tác xã, các hộ này tự lấn chiếm xây dựng nhà không phép.

Ngày 31/3/2023, U lập Biên bản làm việc với ông Lê Văn D yêu cầu tự khắc phục công trình xây dựng nhà ở không phép lấn chiếm đất công do Nhà nước quản lý trước ngày 10/4/2023, ông Lê Văn D không ký tên vào Biên bản làm việc.

Căn cứ B bàn làm việc ngày 02/3/2023 với Hợp tác xã C và Biên bản làm việc ngày 31/3/2023 với ông Lê Văn D, U Quận H xác định ông Lê Văn D đã chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị và xây dựng nhà ở không phép từ thời điểm ngày 01/12/2016.

Ngày 12/9/2023 U, Quận H lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC về hành vi vi phạm chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị, diện tích đất chiếm dưới 0,05 héc ta (cụ thể diện tích là 61,0m²) tại địa chỉ không số đường P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; thuộc một phần thửa 8 tờ 84 Bản đồ địa chính (nhằm một phần thừa 67 từ bản đồ 01 - theo Tài liệu 02/CT-UB) Phường F, Quận H (theo Bản vẽ hiện trạng số 14/BVHT do Công ty Trách nhiệm hữu hạn D2 lập ngày 19/6/2023) đối với ông Lê Văn D.

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai 2013, ông Lê Văn D có hành vi vi phạm hành chính như sau:

"*Điều 12. Những hành vi bị nghiêm cấm*

1. Lấn, chiếm, hủy hoại đất đai"

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tại điểm a khoản 2 Điều 3 quy định:

"Điều 3. Giải thích từ ngữ

2. Chiếm đất là việc sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép;

Căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định:

"2. Trường hợp lấn, chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn thì hình thức và mức xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm dưới 0,05 héc ta;

5. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp (trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này) tại khu vực đô thị thì mức xử phạt bằng 02 lần mức xử phạt đối với loại đất tương ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và mức phạt tối đa không quá 500.000.000 đồng đối với cá nhân, không quá 1.000.000.000 đồng đối với tổ chức".

Mức phạt tiền đối với ông Lê Văn D được tính như sau:

- Mức phạt hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất diện tích dưới 0,05 héc ta: từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng:

- Mức phạt tại khu vực đô thị: từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng,

- Như vậy, mức phạt chiếm đất nông nghiệp tại đô thị: [(6.000.000 đồng +

10.000.000 đồng) / 2] = 8.000.000 đồng (tám triệu đồng);

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại điểm a, điểm d, khoản 7

Điều 14 quy định:

"...7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a*) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; trừ trường hợp trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này....*

d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này, số lợi bất hợp pháp được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này..."

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND Thành phố H về ban hành quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 4114/HDLCQ-STNMT-STC-SXD-CT ngày 28/5/2020 của Sở T6, Sở T7, Sở Xây dựng, Cục T8 về việc áp dụng Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND Thành phố;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ:

"*... Việc nộp số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đã xảy ra trước ngày Nghị định số 91/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành chỉ áp dụng đối với các hành vi vi phạm mà các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai trước đây (trước Nghị định số 91/2019/NĐ-CP) có quy định phải nộp số lợi bất hợp pháp. Thời gian xác định số lợi bất hợp pháp phải nộp chỉ tính từ khi Nghị định có quy định hành vi vi phạm phải nộp số lợi bất hợp pháp có hiệu lực thi hành hoặc tính từ ngày xảy ra vi phạm nếu vi phạm xảy ra sau ngày Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai đầu tiên có quy định phải nộp số lợi bất hợp pháp đã có hiệu lực. Việc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định tại Nghị định này*".

Theo đó, số lợi bất hợp pháp đối với ông Lê Văn D được tính như sau:

Giá trị của 61,0m² (căn cứ Bản vẽ hiện trạng do Công ty Trách nhiệm hữu hạn D2 lập ngày 19 tháng 6 năm 2023) tính theo giá đất ở thuộc vị trí 4 (đường P, đoạn từ Cầu N đến Cầu B): 61* 12.000.000 đồng* 0.5* 0.8* 0.8= 234.240.000 đồng.

- Số năm vi phạm từ ngày 05/01/2020 đến ngày 12/9/2023: (0.0028 *251 ngày) + 3 năm=3,7028

- Như vậy, số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị buộc ông Lê Văn D phải nộp: 12.390.627 đồng.

Căn cứ những quy định pháp luật, Chủ tịch UBND Quận 8 ban hành Quyết định số 392/QĐ-XPHC ngày 22/9/2023 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi vi phạm hành chính của ông Lê Văn D là đúng quy định pháp luật.

Để đảm bảo thi hành Quyết định số 392/QĐ-XPHC ngày 22/9/2023 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi vi phạm hành chính của ông Lê Văn D, sau thời gian tự nguyện chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả nhưng ông Lê Văn D không chấp hành, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 542/QĐ-CCXP ngày 15/12/2023 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 27/12/2023, ông Lê Văn D gửi đơn khiếu nại (lần 1) Quyết định số 542/QĐ-XPHC ngày 15/12/2023 của Chủ tịch U về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch U nhận thấy yêu cầu của ông Lê Văn D không có cơ sở xem xét, giải quyết. Do đó, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 25/5/2024 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn D (lần đầu), không công nhận nội dung khiếu nại của ông Lê Văn D theo đơn khiếu nại ngày 27/12/2023.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch U yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 335/2024/HC-ST ngày 30/7/2024 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 60, 116, 158, Điều 193 và 206 Luật Tố tụng hành chính 2015; Luật Đất đai năm 2013; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D, gồm:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 392/QĐ-XPHC ngày 22/9/2023 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hủy Quyết định số 542/QĐ-CCXP ngày 15/12/2023 của Chủ tịch U, thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn D (lần đầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2024, ông Lê Văn D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Lê Văn D (do bà Nguyễn Bảo N đại diện) thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của ông Lê Văn D làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- Người bị kiện là Chủ tịch U đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 392/QĐ-XPHC ngày 22/9/2023 và Quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả số 542/QĐ-CCXP ngày 15/12/2023, Quyết định giải quyết khiếu nại số 2320 ngày 22/5/2024 của Chủ tịch U.

[1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị kiện:

Ngày 12/9/2023, U, Quận H lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC về hành vi chiếm đất nông nghiệp tại khu vực đô thị, diện tích đất chiếm dưới 0,05 héc ta (cụ thể diện tích là 61,0m²) tại địa chỉ không số đường P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; thuộc một phần thửa 8 tờ 84 Bản đồ địa chính Phường F, Quận H (theo Bản vẽ hiện trạng số 14/BVHT ngày 19/6/2023) đối với ông Lê Văn D.

Ngày 22/9/2023, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 392/QĐ-XPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Lê Văn D.

Hết thời gian tự nguyện chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định 392 nhưng ông Lê Văn D không thực hiện nên ngày 15/12/2023 Chủ tịch U ban hành Quyết định số 542/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông D.

Không đồng ý với Quyết định 542, ông D có đơn khiếu nại; ngày 22/5/2024 Chủ tịch U ban hành Quyết định số 2320/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với ông D.

Theo đó, việc Chủ tịch U ban hành các quyết định số 392, 542, 2320 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2] Về nội dung của các quyết định hành chính bị kiện:

[2.1] Về nội dung của Quyết định số 392/QĐ-XPHC ngày 22/9/2023 của Chủ tịch U.

Theo hồ sơ vụ kiện thể hiện nguồn gốc khu đất tại địa chỉ không số đường P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc phần thửa số 6, 8 tờ bản đồ số 84 theo tài liệu 2002, diện tích 1.169,1m^2 (thuộc thửa số 67, 68, tờ bản đồ số 1 theo Chỉ thị số 02/CT-UB) có nguồn gốc do Hợp tác xã Chiến Thắng quản lý, giao khoán cao cho hộ bà Ung Thị T3 sử dụng phát sinh xây dựng nhà tạm cột gỗ, vách ván, tôn, mái tôn trên toàn bộ khu đất. Hiện nay, trên khu đất này ông H (cháu bà Ung Thị T3) đã chia nhỏ các phần đất và bán lại bằng giấy tay cho nhiều người xây nhà tạm. Trong đó ngày 08/5/2003 ông Lê Văn H đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Ngọc N1 phần đất diện tích chiều ngang một cạnh 3,8m, một cạnh 8,4m, chiều dài 14,7m, nhà cấp 4. Ngày 11/5/2016 bà N1 chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị Thu T2. Ngày 11/7/2016 bà T2 chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn D. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên của các bên không được Nhà nước công nhận.

Ngày 12/9/2023, U, Quận H lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC về hành vi "Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trông lúa, đất rừng

đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực đô thị, diện tích đất chiếm dưới 0,05 héc ta (cụ thể diện tích 61 m²) tại địa chỉ không số đường P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 84 Bản đồ địa chính, Phường F vẽ theo hiện trạng số 03 ngày 19/06/2023 đối với ông D".

Xét, tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì ông D có hành vi sử dụng diện tích 61m^2 đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Hợp tác xã C mà không được Hợp tác xã Chiến Thắng cho phép là vi phạm quy định về quản lý đất đai tại khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai 2013.

Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Điểm a, điểm d, khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND Thành phố H ban hành quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2024; Hướng dẫn số 4114/HDLCQ-STNMT-STC-SXD-CT ngày 28/5/2020 của Sở T6, Sở T7, Sở Xây dựng, Cục T8 về việc áp dụng Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND Thành phố; Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

Ngày 22/9/2023, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 392 về xử phạt vi phạm hành chính buộc ông D1 nộp phạt 8.000.000 đồng, khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm đồng thời nộp lại số lợi bất hợp pháp 12.390.627 đồng là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về nội dung của Quyết định số 542/QĐ-CCXP ngày 15/12/2023 của Chủ U:

Do hết thời hạn tự nguyện thi hành Quyết định số 392/QĐ-XPHC ngày 22/9/2023 của Chủ tịch U về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nhưng ông D không chấp hành và để đảm bảo thi hành Quyết định 392 nên ngày 15/12/2023, Chủ tịch U ban hành Quyết định số 542/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông D là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về nội dung của Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch U về giải quyết khiếu nại đối với ông D.

Như đã nhận định nêu trên việc Chủ tịch U ban hành Quyết định số 542/QĐ-CCXP ngày 15/12/2023 về cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả đối với ông D là đúng quy định của pháp luật nên Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch U về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn D có nội dung không công nhận khiếu nại của ông Lê Văn D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trịnh Ngọc V phải nộp 300.000 đồng theo Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 30, 32, 60, 116, 158, Điều 193 và 206 Luật Tố tụng hành chính 2015; Luật Đất đai năm 2013; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn D; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 335/2024/HC-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D, gồm:

- Huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 392/QĐ-XPHC ngày 22/9/2023 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hủy Quyết định số 542/QĐ-CCXP ngày 15/12/2023 của Chủ tịch U, thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch U, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn D (lần đầu).

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn D phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0041107 ngày 28/8/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự (2);
- Lưu VT (5), HS (2) 14B (BA- TMH).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết Trinh